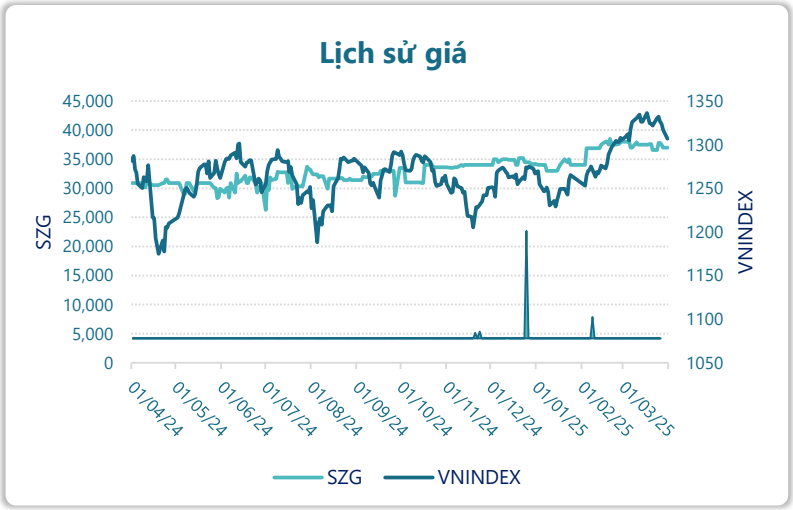
FireAnt

CTCP Sonadezi Giang Điền (UPCOM: SZG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**37,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,279
SL cổ phiếu LH	54,898,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,450
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,031
P/E	9.8
EPS	3,764

DT thuần

Q1/25

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 1.3%

YoY: ▲ 14.9| 16.6%

LN sau thuế

Q1/25

55.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30| 4.4%

YoY: ▲ 19.3| 53.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

52.4%

+/- YoY: ▼ 3.3%

DT thuần

2024

440

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0| 3.4%

LN sau thuế

2024

185

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.00| -2.6%

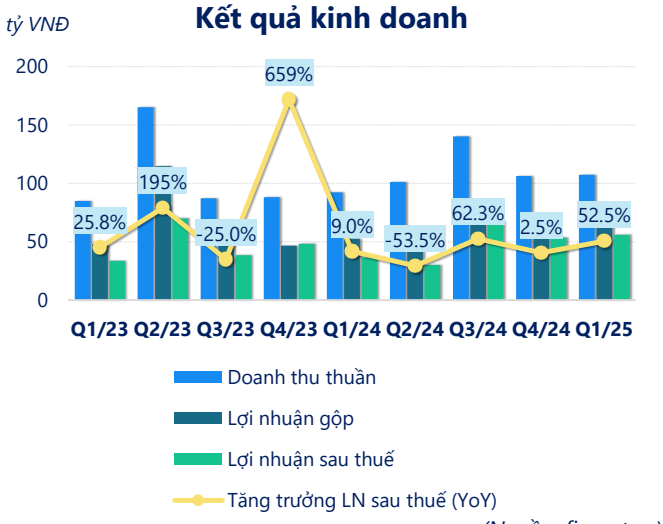
ROE

2024

21.8%

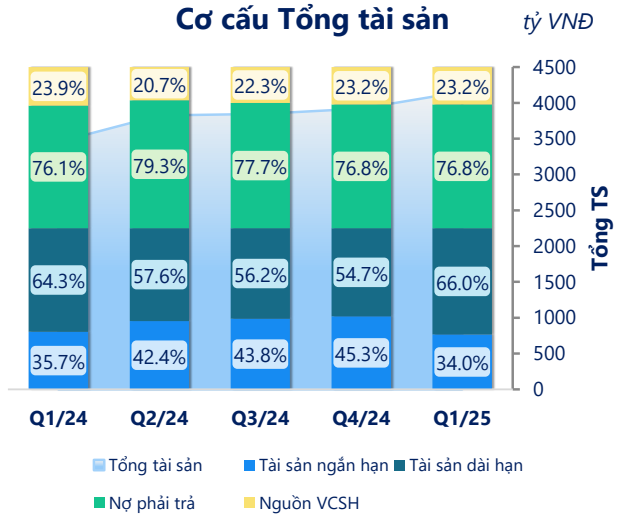
+/- YoY: ▼ 4.2%

Kết quả kinh doanh



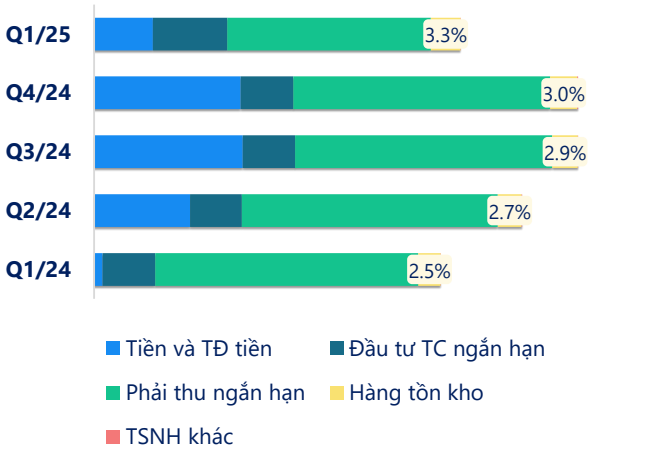
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



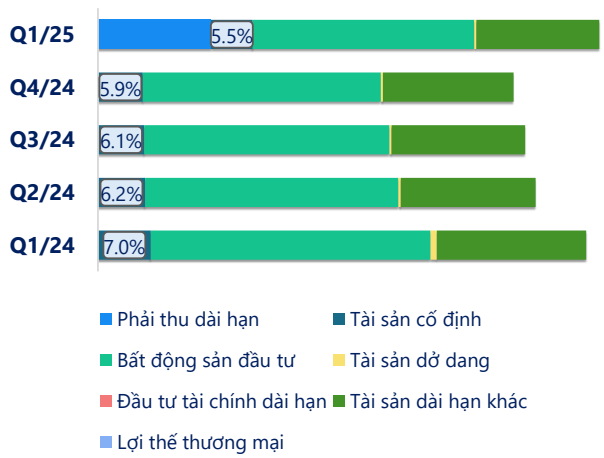
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



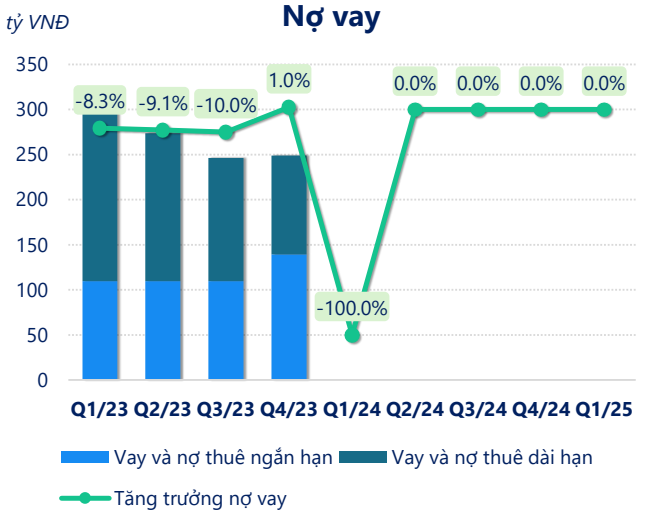
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



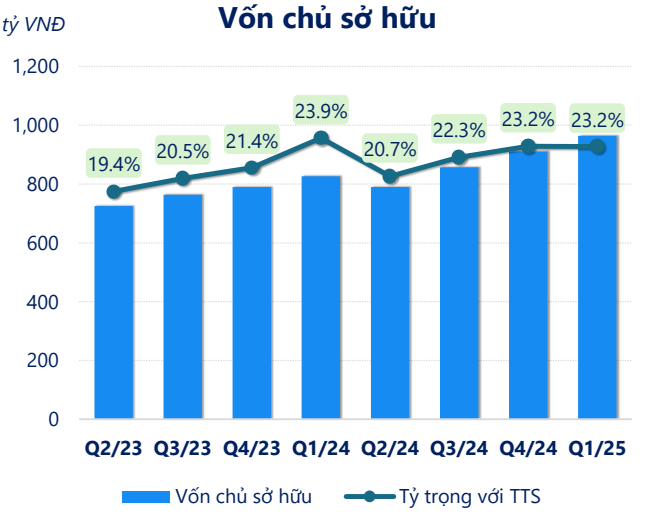
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



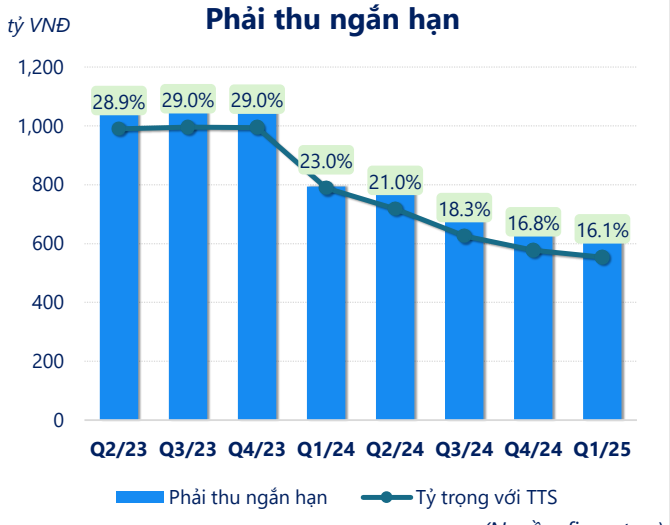
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



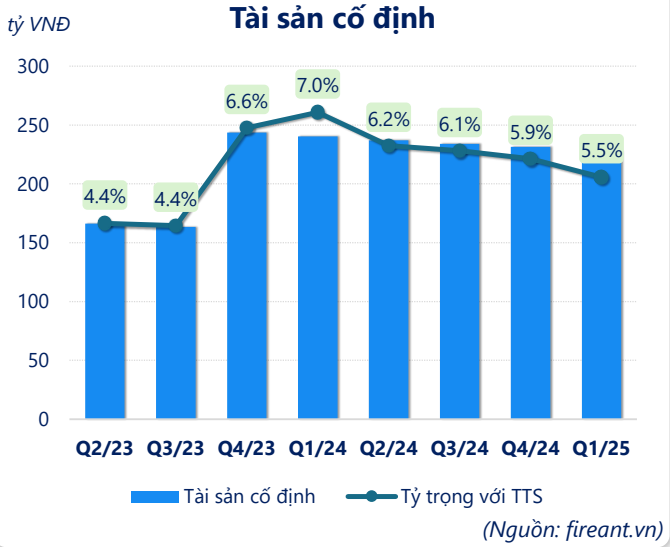
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



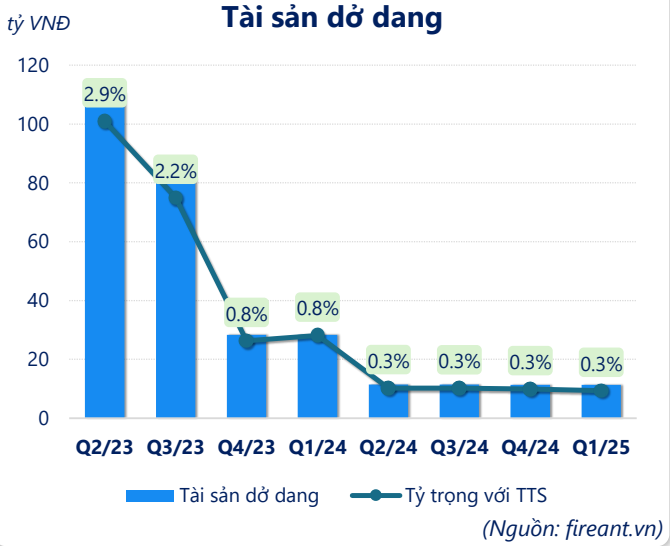
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



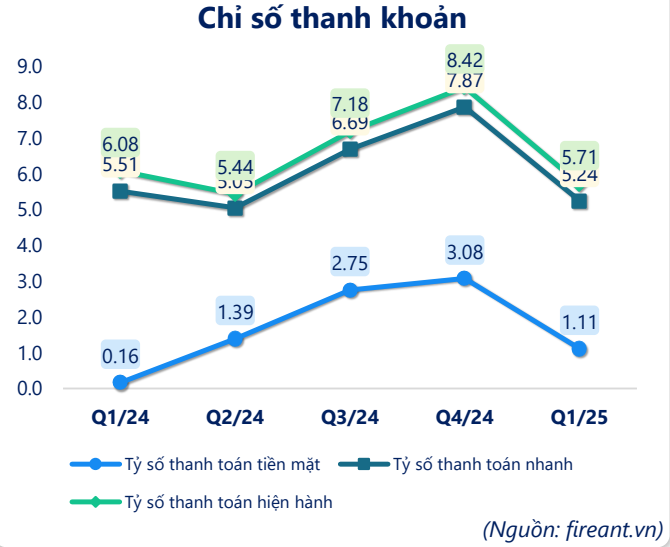
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



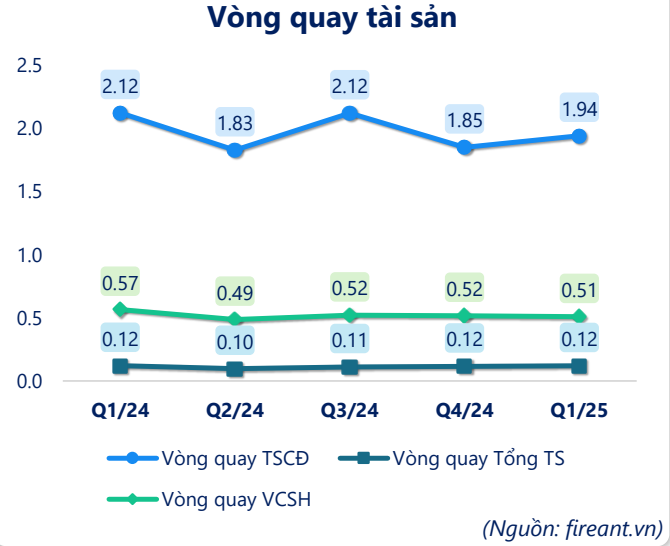
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**3,455**	**3,824**	**3,846**	**3,919**	**4,154**
Tài sản ngắn hạn	**1,234**	**1,622**	**1,683**	**1,774**	**1,412**
Tiền và tương đương tiền	33.4	414	646	648	275
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290	290	219	349	349
Phải thu ngắn hạn	794	801	702	660	671
Hàng tồn kho	115	115	116	116	116
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.76	0.71	0.56	0.89
Tài sản dài hạn	**2,221**	**2,202**	**2,163**	**2,145**	**2,742**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	618
Tài sản cố định	240	237	234	231	228
Bất động sản đầu tư	1,272	1,276	1,242	1,228	1,212
Tài sản dở dang	28.3	11.5	11.5	11.4	11.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	680	678	676	674	673
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,628**	**3,034**	**2,989**	**3,009**	**3,191**
Nợ ngắn hạn	**203**	**298**	**234**	**211**	**247**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.0	16.8	9.86	10.7	10.0
Nợ dài hạn	2,426	2,736	2,755	2,798	2,944
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**826**	**790**	**857**	**910**	**963**
Vốn chủ sở hữu	**826**	**790**	**857**	**910**	**963**
Vốn điều lệ	549	549	549	549	549
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)